

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**;

2. Ông **Phan Minh Quốc**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/10/2022 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Hùng T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 236, khóm Đông Hưng, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0932642065

2. *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Tuyết H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 100, ấp Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0788990477

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hùng T trình bày: Anh Nguyễn Hùng T với chị Huỳnh Thị Tuyết H chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Khánh A, sinh ngày 29/6/2003 và Nguyễn Huỳnh Ngân B sinh ngày 08/7/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Nguyễn Huỳnh Khánh A, sinh ngày 29/6/2003 và Nguyễn Huỳnh Ngân B sinh ngày 08/7/2010. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngân B cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Huỳnh Khánh A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết H trình bày: Chị H thống nhất với lời trình bày của anh T về quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và con chung. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị H đồng ý ly hôn với anh T. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Khánh A, sinh ngày 29/6/2003 và Nguyễn Huỳnh Ngân B sinh ngày 08/7/2010. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngân B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Huỳnh Khánh A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng của con chung: Tại Biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Huỳnh Ngân B có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hùng T và bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, mọi vấn đề có liên quan anh T, chị H đã trình bày đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án, ngoài ra anh chị không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh

Nguyễn Hùng T và chị Huỳnh Thị Tuyết H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Ngân B, sinh ngày 08/7/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; cháu Nguyễn Huỳnh Khánh A đã trưởng thành, tự lao động được nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Anh Nguyễn Hùng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hùng T khởi kiện ly hôn đối với chị Huỳnh Thị Tuyết H, tuy nhiên anh T và chị H chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Thị Tuyết H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Trung, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hùng T và bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định anh T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, anh T và chị H không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy, anh T và chị H là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của anh T và chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không

chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T mà giải quyết không công nhận anh T và chị H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ anh T cung cấp cũng như lời khai của bị đơn chị H thì anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Khánh A, sinh ngày 29/6/2003 và Nguyễn Huỳnh Ngân B sinh ngày 08/7/2010. Nhận thấy cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ, chị H đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án anh T đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngân B sinh ngày 08/7/2010 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thiện thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của cháu; Chị H phải tạo điều kiện cho anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật. Cháu Nguyễn Huỳnh Khánh A đã trưởng thành, tự lao động được nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Hùng T và chị Huỳnh Thị Tuyết H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Tuyết H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngân B sinh ngày 08/7/2010. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Con chung tên Nguyễn Huỳnh Khánh A, sinh ngày 29/6/2003 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hùng T do chị Huỳnh Thị Tuyết H không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hùng T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Nguyễn Hùng T và chị Huỳnh Thị Tuyết H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hùng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009401 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, anh Nguyễn Hùng T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Chị Huỳnh Thị Tuyết H không phải chịu án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch, h. Thoại Sơn;
- UBND phường Đông Xuyên, tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên